

KẾT QUẢ
KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG NHẬT BẬC 4 (TƯƠNG ĐƯƠNG B1 THEO CEFR)
(Đợt 03 năm 2025, 22/06/2025)
(Ban hành theo Quyết định số /MYH25/VHU/QĐ ngày tháng năm 2025)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
1	VHU.TNB4.03.001	211A160039	Mai Thị Ngọc	Đào	08/10/2003	Đồng Tháp	6.0	6.5	9.0	5.2	26.7	6.7	Đậu	
2	VHU.TNB4.03.002	201A160055	Nguyễn Thị Bé	Hai	04/04/2002	Ninh Thuận	2.5	5.5	6.8	6	20.8	5.2	Rớt	
3	VHU.TNB4.03.003	201A160112	Vũ Chấn	Hưng	09/09/2002	Đồng Tháp	5	6.5	7.2	3.6	22.3	5.6	Đậu	
4	VHU.TNB4.03.004	201A160115	Đỗ Lê Quốc	Khải	26/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	2	6.5	7.8	5.6	21.9	5.5	Rớt	
5	VHU.TNB4.03.005	191A160139	Huỳnh Thị Kim	Loan	22/07/2001	Long An	5	3.5	6	4.8	19.3	4.8	Rớt	
6	VHU.TNB4.03.006	191A150080	Tổng Thị Mai Ngọc	Loan	25/02/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	5.5	4.5	6.6	3.2	19.8	5.0	Đậu	
7	VHU.TNB4.03.007	181A150325	Ngô Trần Phương	Ngân	18/03/2000	Đồng Nai	5	6	4.6	4	19.6	4.9	Rớt	
8	VHU.TNB4.03.008	181A150244	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	01/01/2000	Bến Tre	5	6.5	6.3	4.8	22.6	5.7	Đậu	Bảo lưu Đọc: 6.5 ; Hán tự: 6.3
9	VHU.TNB4.03.009	201A160028	Võ Phạm Phương	Ngân	11/11/2002	Bình Thuận	5	3.5	3.2	2.4	14.1	3.5	Rớt	
10	VHU.TNB4.03.010	191A160059	Trần Thị Ngọc	Như	17/03/2001	Long An	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Rớt	Vắng
11	VHU.TNB4.03.011	161A150012	Đoàn Gia	Phúc	23/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Rớt	Vắng
12	VHU.TNB4.03.012	181A160078	Huỳnh Thị Như	Thảo	01/07/2000	Bến Tre	1.5	4.5	6	4	16.0	4.0	Rớt	Bảo lưu Hán tự 6.0
13	VHU.TNB4.03.013	211A160118	Lưu Anh	Thư	29/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	2.5	2.5	4.6	4.4	14.0	3.5	Rớt	
14	VHU.TNB4.03.014	201A160047	Võ Thị Anh	Thư	09/11/2001	Tây Ninh	2	2.5	4	5.6	14.1	3.5	Rớt	
15	VHU.TNB4.03.015	191A160092	Nguyễn Thị Diễm	Thủy	07/04/2001	Khánh Hoà	5	3.5	7	3.6	19.1	4.8	Rớt	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
16	VHU.TNB4.03.016	191A160138	Trần Thị Thùy	Tiên	24/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	3.5	2.5	4.6	4	14.6	3.7	Rớt	
17	VHU.TNB4.03.017	181A160053	Trần Thanh	Trà	17/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	4	4.5	6.8	4.8	20.1	5.0	Đậu	
18	VHU.TNB4.03.018	211A160019	Lê Bích	Trâm	21/02/2003	Đồng Tháp	4	5.5	8.2	5.6	23.3	5.8	Đậu	
19	VHU.TNB4.03.019	191A080234	Võ Thị Như	Ý	12/10/2000	Đồng Tháp	8	6	9	5.2	28.2	7.1	Đậu	Bảo lưu Đọc: 6.0 ; Hán tự: 9.0
20	VHU.TNB4.03.020	181A160036	Quách Ngọc	Yến	01/08/1999	Bạc Liêu	7.5	6	6	4.8	24.3	6.1	Đậu	Bảo lưu Đọc: 6.0 ; Hán tự: 6.0
21	VHU.TNB4.03.021	191A160054	Trần Thị Hải	Yến	06/08/2001	Nghệ An	2.5	4.4	4.4	4	15.3	3.8	Rớt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 21
Số thí sinh dự kiểm tra: 19
Số thí sinh vắng kiểm tra: 02
Số thí sinh đậu: 08
Số thí sinh rớt: 11

Hiệu trưởng

(Đã ký)

PGS. TS. Nguyễn Minh Đức